

Tờ hướng dẫn sử dụng

CELIVITE

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ, dược sỹ.

Thành phần: Mỗi viên nang mềm có chứa:			
Hoạt chất:			
Vitamin A (Palmitate)	2000 IU	Vitamin B ₁	1.0 mg
Vitamin B ₂	1.0 mg	Vitamin B ₆	1.34 mg
Vitamin B ₁₂	1 mcg	Vitamin D ₃	200 IU
Nicotinamide	15 mg	Calcium Pantothenate	1.0 mg
Calcium (Anhydrous Calcium Hydrogen Phosphate)	50 mg	Phosphorus (Anhydrous calcium hydrogen phosphate)	38.75 mg
Potassium (Potassium Sulphate)	1 mg	Copper (Copper Sulphate)	0.01 mg
Magnesium (Magnesium Sulphate)	0.5 mg	Manganese (Manganese Sulphate Monohydrate)	0.01 mg
Zinc (Zinc Sulphate)	0.1 5 mg		
Tá dược	vd.		

Tá dược: Lecithin, Soy bean oil, Hydrogenated oil, White beeswax, Gelatin Glycerin concentrated, Butylated hydroxytoluene, D-Sorbitol solution, Methyl parahydroxybenzoate, Propyl parahydroxybenzoate, Ethyl vanillin, Titanium oxide, Yellow No 5, Brown HT, Nước cất

[Dạng bào chế] Viên nang mềm

[Quy cách đóng gói] 10 viên x 6 vỉ/hộp

[Chỉ định]

CELIVITE được chỉ định để bổ sung vitamin và chất khoáng hàng ngày trong các trường hợp:

- Ôm, mệt mỏi hoặc lo lắng.
- Trong thời kỳ có thai và cho con bú dùng theo chỉ dẫn của bác sỹ.

[Liều lượng và cách dùng]

Dùng 1 viên mỗi ngày trừ khi có chỉ định khác của bác sỹ.

[Chống chỉ định]

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

[Thận trọng, cảnh báo]

Không dùng quá liều theo chỉ định hoặc hướng dẫn của bác sỹ.

[Tác dụng không mong muốn]

Nói chung thuốc dung nạp tốt. Tuy nhiên, một số phản ứng bất lợi có thể xảy ra như dị ứng, nổi ban da, khó chịu ở đường tiêu hóa như buồn nôn, nôn, táo bón hoặc ỉa chảy.

Thông báo ngay cho bác sỹ khi gặp phải các tác dụng không mong muốn của thuốc.

[Tương tác thuốc]

Vitamin A khi dùng đồng thời với neomycin, cholestyramin sẽ ngăn cản sự hấp thụ vitamin A. Do đó, hai loại thuốc này nên dùng cách nhau 1-2 giờ.

Dùng đồng thời Vitamin A với các kháng sinh nhóm cyclin như tetracyclin, docycyclin, clotetracyclin có thể dẫn đến tăng áp lực sọ não. Do đó không nên dùng đồng thời Celivite với nhóm kháng sinh này.

[Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú]

Celivite bổ sung vitamin và khoáng chất cần thiết cho phụ nữ thời kỳ có thai và cho con bú. Tuy nhiên, cần tham khảo ý kiến bác sỹ khi dùng Celivite cho nhóm đối tượng này.

[Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc]

Không ảnh hưởng.

[Đặc tính dược lực học]

- *Vitamin A*: Là một vitamin cần thiết cho thị giác, cho sự tăng trưởng, phát triển và duy trì của biểu mô.
- *Vitamin D*: Có tác dụng duy trì nồng độ calci và phospho bình thường trong huyết tương.
- *Vitamin B1*: Dạng Co – enzym tham gia các phản ứng khử carboxyl của các acid α – Cetoglutaric và pyruvic. Thoái hóa glucid để tạo năng lượng cho nhu cầu chuyển hóa tế bào và dẫn truyền thần kinh. Tổng hợp acetyl cholin, các acid béo và các steroid. Thiếu B1 sẽ gây ra bệnh Beriberi (tê phù), viêm dây thần ngoại biên, rối loạn cảm giác chi.
- *Vitamin B2*: Được biến đổi thành các Co- enzyme hoạt động cần cho sự hô hấp của mô, chuyển hóa tryptophane thành niacin, liên quan đến sự toàn vẹn của hồng cầu.
- *Vitamin B6*: Sau khi vào cơ thể được biến đổi thành pyridoxal phosphate và pyridoxamin phosphat rồi hoạt động như những coenzyme trong chuyển hoá protein, glucid, lipid. Vitamin B6 còn tham gia tổng hợp acid gamma - aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobulin.
- *Vitamin B12*: Có tác dụng trong tạo máu. Trong cơ thể biến đổi thành các co-enzyme rất cần thiết cho tế bào sao chép và tăng trưởng.
- *Nicotinamide*: Trong cơ thể, nicotinamide thực hiện chức năng sau khi chuyển thành hoặc nicotinamide adenin dinucleotid (NAD) hoặc nicotinamide adenin dinucleotid phosphat (NADP). NAD và NADP có vai trò sống còn trong chuyển hóa, như một coenzym xúc tác phản ứng oxy hóa - khử cần thiết cho hô hấp tế bào, phân giải glycogen, và chuyển hóa lipid.
- *Calcium pantothenat*: Đóng vai trò coenzyme trong chuyển hoá carbohydrate, lipid, protein.
- *Calcium*: Có vai trò quan trọng trong cấu tạo xương, ion Ca^{++} có vai trò quan trọng trong nhiều quá trình sinh học.
- *Phospho*: có vai trò trong cấu tạo xương và răng, hoạt hoá vitamin nhóm B.
- *Kali* (Potassium sulfate): Cần thiết cho quá trình phát triển của cơ thể, hình thành cơ, dẫn truyền xung thần kinh, hoạt động của tim.
- *Đồng* (Copper sulfate): Đồng được tìm thấy trong một số loại enzyme như cytocrom oxidase, superoxide dismutase, và nó là kim loại trung tâm của chất chuyên chở oxy hemocyanin.
- *Magnesium* (*Magnesium sulfate*): Hỗ trợ hấp thu calcium và kali. Đóng vai trò trong cấu tạo xương, giãn cơ.
- *Mangan* (*Manganese sulfate monohydrate*): Trong cơ thể người, mangan duy trì hoạt động của một số men quan trọng và tăng cường quá trình tạo xương.
- *Kẽm* (Zinc sulfate): Cần thiết cho hệ thống miễn dịch của cơ thể. Ngoài ra kẽm còn có vai trò trong phân chia tế bào, cần thiết cho sự phát triển bình thường của tóc, da, móng tay.

[Dược động học]

- Vitamin A và Vitamin D: Là hai vitamin tan trong dầu, được hấp thu cùng với dầu mỡ trong thức ăn qua màng ruột. Vitamin A dự trữ ở gan dạng este và thải trừ dưới dạng glucuronid qua thận và ruột. Vitamin D có thời gian bán thải là 19-25 giờ, thuốc được lưu giữ thời gian dài trong các mô mỡ.
- Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Calci pantothenate (Vitamin B5), Nicotinamide (Vitamin B3): Là các vitamin tan trong nước, đặc điểm chung là hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa, thải trừ chủ yếu qua nước tiểu, trừ Vitamin B12 chủ yếu thải trừ qua mật.
- Các khoáng chất (Calcium, Phospho, Kali, Đồng, Magnesium, Mangan, Kẽm): Hấp thu tốt qua đường tiêu hoá theo cả cơ chế thụ động và tích cực.

[Quá liều]

Chưa có báo cáo nào về trường hợp quá liều Celivite.
 Tuy nhiên không nên dùng quá liều chỉ định do có thể gặp phải các trường hợp quá liều do sự thải trừ chậm của các vitamin tan trong dầu (Vitamin A, Vitamin D).
 Các biểu hiện cấp và mạn tính có thể gặp phải khi dùng vitamin A và D với liều rất cao:
 - Biểu hiện cấp tính: Đối với liều Vitamin A quá cao hoặc kéo dài có thể xảy ra buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích ứng, tiêu chảy, co giật...
 - Biểu hiện mạn tính: Mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sút cân, tăng nồng độ calci máu, rối loạn tiêu hoá, gan lách to, chảy máu, phù nề, ...
 Ngừng sử dụng nếu gặp phải các triệu chứng quá liều, chăm sóc và điều trị triệu chứng.

[Bảo quản]

Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

[Hạn dùng]

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỂ THUỐC TRÁNH XA TẦM TAY TRẺ EM.

Nhà sản xuất

CELOGEN PHARMA PVT. LTD.

197/2 Athiyawad, Dabhel Village, Daman-396210, India